TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2018/QĐST-HNGĐ *V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	*Ninh Hải, ngày 07 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T – sinh năm: 1966.

Trú tại: Khu phố N C 2 – thị trấn K H – Ninh Hải – Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc T – sinh năm: 1964.

Trú tại: Khu phố N C 2 – thị trấn K H – Ninh Hải – Ninh Thuận.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 30/5/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn T và bà Lê Thị Ngọc T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung là cháu Nguyễn T - sinh ngày 09/02/2001. Ông Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 3.000.000^{đ} *(ba triệu đồng*), kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) và chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0015628 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND thị trấn KN, huyện KrôngNăng, tỉnh Đắc Lắc;
- Lưu./.

THẨM PHÁN

Dương Đăng Chương